

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé.

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thạch L, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp CB, xã NT, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị O, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, anh Thạch L có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2019, anh L trình bày:

Vào năm 1999, anh có xác lập quan hệ vợ chồng với chị Thạch Thị O, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung tên Thạch L1, sinh ngày 09/10/2001 và

Thạch Thị H, sinh ngày 20/11/2005, hiện chị O đang nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân do anh đi làm thuê ở xa, ít về nhà nên vợ anh có tình cảm với người đàn ông khác, dẫn đến sống không hạnh phúc, vợ chồng anh không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị O; về con chung, anh thống nhất giao Thạch Thị H, sinh ngày 20/11/2005 cho chị O tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng; đối với Thạch L1, sinh ngày 09/10/2001 đã thành niên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Thạch Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt, tại bản tự khai ngày 07/5/2020, chị O trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Thạch L về mối quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do thường xuyên cự cãi, anh L bỏ nhà đi từ năm 2008 đến nay không về thăm con lần nào.

Nay chị đồng ý ly hôn với anh Thạch L. Về con chung, chị đồng ý nuôi Thạch Thị H, sinh ngày 20/11/2005, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng; đối với Thạch L1, sinh ngày 09/10/2001 đã thành niên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Thạch L và chị Thạch Thị O đề có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch L và chị Thạch Thị O xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; anh L có nộp bản chính đơn xin xác nhận có đăng ký kết hôn, do Ủy ban nhân dân xã TH xác nhận, nên hôn nhân giữa anh L với chị O là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian dài, có 02 con chung tên Thạch L1, sinh ngày 09/10/2001 và Thạch Thị H, sinh ngày 20/11/2005; về tài sản chung và nợ chung, anh L và chị O khai không có; anh L, chị O khai đã không chung sống vợ chồng với nhau khoảng 10 năm nay.

Nay anh L quyết định ly hôn với chị O, chị O cũng đồng ý nên công nhận sự tuột tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Về con chung, anh L thống nhất giao cho chị O tiếp tục nuôi Thạch Thị H, sinh ngày 20/11/2005 (Thạch Thị H cũng đồng ý sống chung với chị O), nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự; chị O không yêu cầu anh

L cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết; đối với Thạch L1, sinh ngày 09/10/2001 đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị O khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thạch L với chị Thạch Thị O.

2. Về con chung: Giao cho chị Thạch Thị O được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị H, sinh ngày 20/11/2005 (phù hợp với nguyện vọng của Thạch Thị H), chị O không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thạch L và chị Thạch Thị O khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc anh Thạch L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007614 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm